

1. — Chứng-sanh vô-biên thế-nguyên độ (bi) } nhân = tu
2. — Phiền-não vô-tân thế-nguyên đoan (tri) }
3. — Pháp-môn vô-lượng thế-nguyên học (lý) }
4. — Phật-đạo vô-thượng thế-nguyên thành (đông) quả = chứng

Câu thứ như thế; cái lẽ phát đại thế-nguyên độ tận chúng sanh, là do nguyên động-lực của tâm đại-bi sanh ra. Câu thứ nhì: chỉ về trí-huệ để dùng đoan hoặc chứng chơn. Câu thứ ba: chỉ về sự học-hỏi, nghiên-cứu chơn-lý kinh luận Đại-thừa. Câu thứ tư: chỉ về sự kết quả viên-mãn, do hành tự-giác và giác-tha của bậc vô-thượng bồ-đề.

292. V. Trong bốn câu thế-nguyên, câu thứ ba tôi còn nghi ngại: là đời người sống được bao nhiêu, mà hai thế-nguyên học vô-lượng pháp-môn, biết đời kiếp nào học cho hết?

D. Học đây có nghĩa là nghiên-cứu chơn-lý của các kinh luận Đại-thừa, chẳng phải học thuộc lòng như cậu học trò mà sợ rằng học không hết vô-lượng pháp-môn.

Phật-học, không phải như triết-học, nếu chỉ nghiên-cứu suông, thì không thể nào được. Vì lẽ ấy, sự tu-hành và sự học-hỏi (nghiên-cứu) phải đi đôi, chừng đó tâm mới mở to, lẽ tâm đã được mở to, thì như lý minh vạn lý thông. Theo Phật-học, sở-di người tu-hành không thông được vạn pháp, là tại nghiệp hoặc trần-sa (trần-sa-hoặc) che ám. Khi hoàn-toàn minh-tâm kiến tánh, phá được nguồn gốc bất giác tâm động, nghiệp-hoặc trần-sa không còn, thì thông được vạn pháp. (1)

Ngài Phổ-Chiếu thiên-sư có nói: "... Đản thực (2) tự tâm, hàng-sa pháp-môn vô lượng diệu nghĩa bất cầu nhi đắc". Nghĩa là: Nếu tỏ-ngộ được chơn-tâm — hay tâm-pháp đạo của mình — thì tất cả pháp-môn, nhiều như số cát sông Hằng, có vô lượng nghĩa nhiệm-mầu, không cần cầu cũng tỏ ngộ.

293. V. Tất cả nghĩa lý của kinh luận Đại-thừa Phật-học hướng về mặt nào?

D. Tất cả nghĩa lý của kinh luận Đại-thừa, hướng về mặt chơn-lý duy nhất, là viên-dung bình-dẳng: sắc không như một, phiền-não tức bồ-đề. Nếu tỏ-ngộ được chơn-lý ấy, thì xem kinh luận có phần dễ-dàng. Đối với chơn-lý tuyệt-đối ấy, tùy theo mình ngộ giải sâu hay cạn, rộng hay hẹp, có thể thông suốt kinh luận nhà Phật.

(1) Bản Tiên gọi là nhưet khiêu huyền-quang thông vạn pháp, thiên kinh vạn quyển nhưet thời minh (một khiêu huyền-quang là thông muôn pháp, ngàn kinh muôn quyển biết rõ trong một giờ.)

(2) Thrice có nghĩa là biết; biết được tâm của mình cũng có nghĩa là tỏ-ngộ, nên chúng tôi dịch là tỏ-ngộ.

Đời xưa muốn tỏ ngộ đạo mẫu như vậy, thật là một vấn đề hết sức khó khăn, chờ đời nay không còn khó như vậy nữa. Bởi vì, tất cả kinh luận nhà Phật hiện giờ, người ta phân tách một cách hết sức rành mạch, lời nói điện, giảng cũng rất phân minh.

Vả chẳng, vẫn tự bất-nhã (kinh luận nhà Phật toàn là trí-huệ) là hình tượng của chơn-như-lý, chơn-như-lý là biểu hiện của chơn-như-trí. Lý và trí chỉ có một chứ không phải khác. Do lẽ ấy, nếu rời văn tự bất-nhã ra, chẳng khác nào bỏ hiện tượng để tìm kiếm bản thể, khác nào rời ngôn tay của người chỉ mà tìm mặt trăng (1). Nhưng phải biết rằng: bản thể bao la, thì hiện tượng cũng muôn vàn. Vì lẽ ấy, sự tỏ ngộ tâm pháp đạo, thì không cứ ở kinh-luận, mà hết thầy văn vật sự lý, đều làm cho người tu-hành tỏ ngộ đạo mẫu được cả.

294. V. Muốn tỏ-ngộ chơn-lý viên-dung bình-dẳng của Đại-thừa Phật-học, phải làm sao?

D. Có nhiều cách: hoặc quán-xét pháp Tuyệt-đãi trung đạo, hoặc nhập chơn-như quán, hoặc quán xét pháp thiết-tượng, pháp bất sanh bất diệt, pháp sắc không không sắc, pháp-một bất nhị của Thiên-tông, cũng là tất cả những phương-pháp làm cho mình mình tâm kiến tánh, nghĩa là làm cho mình thấu-triệt được chơn-lý viên-dung bình-dẳng của Đại-thừa Phật-học.

295. V. Tại sao chơn-lý của Đại-thừa hướng về mặt viên-dung bình-dẳng?

D. Tại pháp-tánh chơn-như (hay Phật-tánh, hay pháp-giới-tánh) là duy nhất, tức là không sai-biệt. Không sai-biệt có nghĩa là bình-dẳng, bình-dẳng tức là viên (viên dung), viên tức là diệu, diệu tức là giác, giác tức là Phật là Như-Lai.

Nói tóm lại, chơn-lý viên-dung bình-dẳng, có công-dụng phá bỏ cái tâm sai-biệt chấp-trước theo ngoại cảnh lực trần. Nếu còn sai-biệt tức là còn biên-kiến, còn biên-kiến tức là còn thiên chấp, nghĩa là còn chấp pháp này, còn bỏ pháp kia, gọi là tâm thủ xả. Nếu còn tâm thủ xả, là còn ở trong cảnh-giới phạm-phu (gồm Nhị-thừa). Bởi vậy cho nên, phạm-phu hay chán cảnh khổ mà tìm cảnh an-lạc, không khác nào hàng Ni-như thừa chán sanh-tử luân-hồi mà cầu Niết-bàn tịch-diệt, không dám lặn lội nhiều kiếp trong cảnh trần-thế để cứu độ chúng-sanh thoát khỏi vòng lực đạo. Trái lại, Đại-thừa vì phá được cái tâm thiên-chấp, chơn được cảnh-giới viên-dung bình-dẳng, nên xem cội ta-bà cũng như Tịnh-độ, sanh-tử cũng như Niết-bàn, mới dám nhẩy vào đường lực đạo luân-hồi trong vô-lượng kiếp, để cứu độ tất cả chúng-sanh.

(1) Chấp ngôn tuy không được, mà nói ngôn tuy cũng không xong